

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Công văn số 8333/BNN-TCCB ngày 09/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
1.	TCTP 1.1. Thực hiện kế hoạch CCHC của đơn vị	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.50}{100\%} \right]$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch CCHC; - Báo cáo CCHC - TLKC khác (nếu có).
2.	TC 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định, - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định thì điểm đánh giá là 1. - Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo thì điểm đánh giá là 0.	Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm của đơn vị
3.	TCTP 1.3.1. Thực hiện Kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm của Bộ	Yêu cầu: Kế hoạch kiểm tra CCHC của đơn vị, hoặc thực hiện theo Kế hoạch kiểm tra của Bộ; có báo cáo tự kiểm tra hoặc báo cáo Đoàn kiểm tra theo đúng yêu cầu, quy định. - Có thực hiện tự kiểm tra hoặc được kiểm tra theo kế hoạch của Bộ thì đánh giá 1 điểm; - Không thực hiện kiểm tra/không có báo cáo tự kiểm tra thì đánh giá 0 điểm	Báo cáo kiểm tra/tự kiểm tra hoặc các thông báo kết luận kiểm tra
4.	TCTP 1.3.2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Có báo cáo hoặc các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...) thì đánh giá 1.0 điểm; Không có báo cáo kết quả kiểm tra/tự kiểm tra thì đánh giá 0 điểm. Trường hợp đã hoàn thành tất cả số vấn đề xử lý hoặc không có vấn đề phải	- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. - TLKC khác (nếu có).

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1.5	
5.	TCTP 1.4. Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin trên website của đơn vị, Bộ; (3) tuyên truyền CCHC trên phát thanh, truyền hình thì điểm đánh giá là 0.5. - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC giai đoạn mới, tọa đàm CCHC, san khấu hóa, hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được công thêm 0.5. - Không có hình thức tuyên truyền CCHC thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website. - TLKC khác
6.	TC 1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong nội bộ của đơn vị hoặc của Bộ. + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của Bộ, của đơn vị. - Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC. - Các văn bản, báo cáo, đánh giá kết quả, hiệu quả hoặc văn bản công nhận sáng kiến (nếu có)
7.	TCTP 1.6. Thực hiện nhiệm vụ Bộ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Không bắt buộc tự chấm điểm đối với tiêu chí này. Thường trực CCHC sẽ căn cứ vào Báo cáo thống kê của Văn phòng Bộ để chấm theo thang bảng điểm đã quy định.	- Báo cáo kết quả thực hiện
8.	TC 2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thống kê: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm, gồm có: Các luật, pháp lệnh, nghị định, các Thông tư dự kiến ban hành). Đối với các văn bản do đơn vị tham mưu ban hành, thời gian hoàn thành được tính từ thời điểm trình cấp có thẩm quyền ban hành. + Số VBQPPL đã được ban hành hoặc đã được trình cấp có thẩm quyền trong năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả xây dựng VBQPPL của đơn vị (thống kê cụ thể danh mục, tình hình và kết quả) - TLKC khác (nếu có).

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành theo thẩm quyền hoặc đã trình cấp có thẩm quyền ban hành so với số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm. Nếu: <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thành 100% kế hoạch, đúng tiến độ thì điểm đánh giá là 2 + Hoàn thành 100% kế hoạch, nhưng có văn bản hoàn thành muộn so với tiến độ được giao thì điểm đánh giá là 1 + Hoàn thành từ 80%- dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5 + Hoàn thành dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 	
9.	TCTP 2.2.1. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thì được 0.25 điểm; + Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thì được cộng thêm 0.5 điểm; + Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thì được cộng 0.25 điểm. - Nếu hoạt động nào không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hoặc lồng ghép trong báo cáo CCHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế (do Vụ Pháp chế cung cấp). - TLKC khác (nếu có)
10.	TCTP 2.2.2. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các đơn vị xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TĐTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.5; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TĐTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hoặc lồng ghép trong báo cáo CCHC của đơn vị; - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế (do Vụ Pháp chế cung cấp).

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
11.	TCTP 2.3.1. Thực hiện rà soát theo quy định danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	<p>Nếu đề xuất công bố kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5</p> <p>Nếu đề xuất công bố không kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0</p>	Các văn bản đề xuất, công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
12.	TC 2.3.2. Xử lý VBQPPL sau rà soát	<p>Thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số văn bản cần phải xử lý (a) - Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan/cá nhân có thẩm quyền xử lý (b). - Số văn bản đã xử lý theo thẩm quyền nhưng chưa hoàn thành và số văn bản chưa kiến nghị xử lý (c) <p><i>(Những văn bản thuộc thẩm quyền của đơn vị nhưng chưa hoàn thành việc xử lý do yếu tố khách quan, có giải trình cụ thể)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*1.0 + (c/a)*0.5$ - Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá là 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của đơn vị; - Các văn bản xử lý VBQPPL sau rà soát; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế. - TLKC khác (nếu có)
13.	TCTP 2.4.1. Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền so với tổng số văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% - 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.5 - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25 - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế; - TLKC khác (nếu có)
14.	TCTP 2.4.2. Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	<p>Thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số văn bản cần phải xử lý (a) - Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b) - Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c) <p>- Trường hợp có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*1.5 + (c/a)*1$</p> <p>- Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1.5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ; - Các văn bản xử lý VBQPPL trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra; - Kết quả theo dõi, kiểm tra do Vụ Pháp chế cung cấp). - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
15.	TCTP 2.5.1. Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 0.5 - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.25 - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thanh tra. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra
16.	TCTP 2.5.2. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra của đơn vị - Báo cáo kết quả kiểm tra.
17.	TC. 2.6. Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của đơn vị	<p>Thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số kiến nghị phải trả lời (a) - Số kiến nghị đã được trả lời (b) - Số kiến nghị đang trả lời (c) - Trường hợp có kiến nghị phải trả lời thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) \times 1.0 + (c/a) \times 0.5$ - Trường hợp không có kiến nghị phải trả lời thì điểm đánh giá là 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo trong nội dung báo cáo CCHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ. - TLKC khác (nếu có)
18.	TC. 2.7. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thống kê: Tổng số TC, QCKT dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm. Đối với các văn bản do đơn vị tham mưu ban hành, thời gian hoàn thành được tính từ thời điểm trình cấp có thẩm quyền ban hành. Số TC, QC đã được ban hành hoặc đã được trình cấp có thẩm quyền trong năm. - Tính tỷ lệ % giữa số TC, QC đã được ban hành theo thẩm quyền hoặc đã trình cấp có thẩm quyền ban hành so với số TC, QC dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm. - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.50}{100\%} \right]$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả xây dựng TC, QC của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ KHCN và MT. - TLKC khác (nếu có).

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
19.	TCTP 3.1.1. Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Nếu trong năm đơn vị không ban hành các quy định TTHC (nội dung, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, tờ khai, điều kiện thực hiện ...) trái thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu có ban hành các quy định TTHC trái thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị; Quyết định cắt giảm đơn giản hóa TTHC; - Kết quả theo dõi của VP Bộ.
20.	TCTP 3.1.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 0.5 - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ.
21.	TCTP 3.1.3. Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý với tổng số vấn đề phát hiện qua rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{(Tỷ\ lệ\ \% \ số\ vấn\ đề\ được\ xử\ lý\ hoặc\ kiến\ nghị\ xử\ lý) \times 1.50}{100\%} \right]$ - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
22.	TCTP 3.2.1. Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Các quyết định công bố TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ phải được ban hành chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC. - Nếu 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của đơn vị được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu dưới 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của đơn vị được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có).
23.	TCTP 3.2.2. Nhập đăng tải	Yêu cầu: TTHC phải được cập nhật, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu	- Báo cáo công tác kiểm soát

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	<p>quốc gia về TTHC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có trong hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.</p> <p>- Nếu 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thì điểm đánh giá là 0.5; nếu dưới 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>TTHC của đơn vị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có).
24.	TCTP 3.2.3 Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	<p>Yêu cầu: Ban hành quy trình nội bộ của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 1. - Nếu từ 80% - dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu dưới 80% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - Quyết định ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC
25.	TCTP 3.2.4. Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đối với việc công khai TTHC: Đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng) - Yêu cầu đối với công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC là: Đầy đủ, kịp thời - Nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu công khai TTHC, công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + 100% số TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở các cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thì điểm đánh giá là 0.25; + 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai đúng quy định trên Cổng TTĐT của Bộ thì được cộng thêm 0.25 + Tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		trên Công TTĐT hoặc Công DVC của Bộ thì được cộng thêm 0.5 - Nếu nội dung nào không đáp ứng được yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 0 tương ứng thang điểm nội dung đó.	
26.	TCTP 3.3.1 Thành lập và vận hành bộ phận Một cửa	- Nếu đã thành lập và vận hành đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.50 - Nếu đã thành lập nhưng chưa vận hành đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25 - Nếu chưa thành lập thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
27.	TCTP 3.3.2 Tỷ lệ tiếp nhận, trả kết quả tại bộ phận một cửa	- Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì điểm đánh giá là 0.5. - Nếu dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Quyết định công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại bộ phận Một cửa - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
28.	TCTP 3.3.3 Công bố nhóm TTHC liên thông trong phạm vi lĩnh vực quản lý	- Yêu cầu: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP. (Trường hợp không có nhóm TTHC liên thông phải công bố thì có giải trình cụ thể). - Nếu công bố, cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu không công bố hoặc không cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Quyết định công bố TTHC liên thông - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
29.	TCTP 3.4.1 Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 95% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%} \right]$ - Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
30.	TCTP 3.4.2 Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết	- Nếu thực hiện việc xin lỗi đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu thực hiện việc xin lỗi không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	hồ sơ TTHC	- Trường hợp không có hồ sơ TTHC trễ hạn thì điểm đánh giá là 0.5	Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)
31.	TCTP 3.4.3 Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	<p>Yêu cầu: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu từ 80%-dưới 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.25 - Dưới 80% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0 - Nếu thực hiện đánh giá và công khai kết quả đánh giá không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0 đối với tất cả TCTP này. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả công khai trên Cổng DVC của Bộ - TLKC khác (nếu có)
32.	TCTP 3.5.1. Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê: + Tổng số PAKN phải trả lời (a) + Số PAKN đã được trả lời (b) + Số PAKN đang trả lời (c) - Trường hợp có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*0.75 + (c/a)*0.25$ - Trường hợp không có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá là 0.75 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Danh sách PAKN liên quan đơn vị đã tiếp nhận trực tiếp và PAKN do Văn phòng Bộ tiếp nhận, yêu cầu Bộ giải quyết - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
33.	TCTP 3.5.2. Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.25 - Nếu dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)
34.	TCTP 4.1.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục, Vụ, Văn	- Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các đơn vị và tổ chức trực thuộc theo Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ và các văn bản khác liên quan	- Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	phòng Bộ và Thanh tra Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu đã triển khai đúng quy định thì điểm đánh giá là 1 - Nếu chưa triển khai trong năm đánh giá hoặc triển khai không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 <p>Thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy các phòng, ban thuộc Vụ, Cục thuộc Bộ; các Vụ, Cục thuộc Tổng cục theo đúng quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đúng quy định được quy định tại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng Quyết định của Bộ trưởng (đối với Cục, Vụ thuộc Bộ) và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (đối với Tổng cục) thì điểm đánh giá là 1; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB - TLKC khác (nếu có)
35.	TCTP 4.1.2. Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị và tổ chức bên trong của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị sđịnh số 123/2016/NĐ-CP, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP và quy định của Bộ, Bộ Nội vụ và các văn bản có liên quan + Đối với các vụ, cục, tổng cục và tương đương: số lượng cấp phó của người đứng đầu các vụ, cục và tương đương bình quân không quá 03 người; số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục không quá 04 người. + Đối với các tổ chức bên trong cục, tổng cục và tương đương: số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định 101/2020/NĐ-CP - Nếu 100% vụ, cục, tổng cục và tương đương có số lượng cấp phó đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu 100% các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương đáp ứng yêu cầu trên thì CỘNG THÊM 1 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB
36.	TCTP 4.2.1. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	Nếu số lượng biên chế hành chính của đơn vị đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			Vụ TCCB
37.	TCTP 4.2.2. Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc đơn vị	<p>- Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc thực tế (hưởng lương ngân sách nhà nước) tại các đơn vị SNCL thuộc Tổng cục, Cục so với tổng số người làm việc tại các đơn vị SNCL thuộc Tổng cục, Cục được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.</p> <p>Nếu số lượng người làm việc đang sử dụng tại các đơn vị SNCL thuộc Tổng cục, Cục không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá của đơn vị</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB</p>
38.	TCTP 4.2.3. Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	<p>Thống kê: Tổng số biên chế hành chính được giao năm 2015 và thực tế năm đánh giá.</p> <p>Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính thực tế của năm đánh giá so với số lượng biên chế hành chính được giao của năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5</p> <p>- Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1.50}{100\%} \right]$	<p>- Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá của đơn vị</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB</p>
39.	TCTP 4.3.1. Thực hiện kiểm tra đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	<p>- Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra đối với các nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của Tổng cục, Cục đã được Bộ phân cấp cho địa phương</p> <p>- Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo kết quả kiểm tra về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước được giao</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB</p>
40.	TCTP 4.3.2. Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- 100% thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</p> <p>- Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB</p>
41.	TCTP 5.1.1. Thực hiện hướng	- Thực hiện đúng quy định thì đánh giá là 0.25	- Báo cáo CCHC năm của đơn vị

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định	- Thực hiện không đúng thì điểm đánh giá là 0	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB
42.	TCTP 5.1.2. Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>Tính tỷ lệ % số công chức thuộc đơn vị được bố trí đúng theo vị trí việc làm so với tổng số biên chế hiện có của đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 1 - Từ 80% - dưới 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.5 - Từ 60% - dưới 80% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.25 - Dưới 60% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo: CCHC năm của đơn vị - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ; Báo cáo tình hình sử dụng công chức, viên chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB
43.	TCTP 5.1.3 Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm	<p>Tính tỷ lệ % số viên chức thuộc đơn vị được bố trí đúng theo vị trí việc làm so với tổng số biên chế hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.75 - Từ 80% - dưới 100% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.5 - Từ 60% - dưới 80% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.25 - Dưới 60% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo: CCHC năm của đơn vị - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ; Báo cáo tình hình sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB
44.	TCTP 5.2.1 Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan, đơn vị	<p>Yêu cầu: thực hiện tuyển dụng công chức tại các đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ công chức và các văn bản hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất (Nếu kỳ tuyển dụng gần nhất thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; Nếu có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu là 0; từ những năm sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0). 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản, thông báo liên quan... - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB - TLKC khác (nếu có)
45.	TCTP 5.2.2 Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	<p>Yêu cầu: thực hiện tuyển dụng viên chức tại các đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản, thông báo liên quan...

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị	<p>hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất (Nếu kỳ tuyển dụng gần nhất thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; Nếu có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu là 0; từ những năm sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB - TLKC khác (nếu có)
46.	TC 5.3 Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của đơn vị	<p>Yêu cầu: tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không thực hiện thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi gần nhất (Nếu kỳ thi gần nhất thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; Nếu có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu là 0; từ những năm sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.25, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0). 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản, thông báo liên quan... - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB - TLKC khác (nếu có)
47.	TC. 5.4 Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Thống kê danh sách số lãnh đạo cơ quan, đơn vị được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo tại các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong năm + Nếu 100% số lãnh đạo cơ quan, đơn vị được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu 100% số lãnh đạo tại các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm. + Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định bổ nhiệm; - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
48.	TCTP 5.5.1. Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại CCVC chức theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ.. - Nếu thực hiện đúng quy định và báo cáo đúng thời hạn thì điểm đánh giá là 0.5; thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại CCVC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB
49.	TCTP 5.5.2. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, CCVC bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật - Nếu trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 1 - Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo các tổ chức bên trong Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ và Thanh tra Bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá cộng thêm 1 điểm. - Trong năm CÓ CÔNG CHỨC bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB
50.	TC 5.6. Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của đơn vị - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của đơn vị.
51.	TCTP 6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN	<p>Tính tỷ lệ % giữa số tiền giải NSNN đã giải ngân so với tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo kế hoạch. Điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN hàng năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính - TLKC khác (nếu có)
52.	TCTP 6.1.2. Thực hiện quy định từ việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1 - Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			thời điểm đánh giá - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có) - TLKC khác (nếu có) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính
53.	TCTP. 6.1.3. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất (VD: Đánh giá cho năm 2021 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2020,2021). Điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% soos tiền đã nộp NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$	- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 02 năm gần nhất - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của đơn vị - Hồ sơ tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính - TLKC khác (nếu có)
54.	TCTP 6.2.1. Thực hiện các văn bản của Bộ theo thẩm quyền của đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản công	- Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5 - Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo kết quả thực hiện về quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính
55.	TCTP 6.2.2. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	- Đã ban hành thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5 - Không ban hành quy chế thì điểm đánh giá là 0	- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	của đơn vị		
56.	TCTP. 6.2.3. Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	<p>Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Tính tỷ lệ % số cơ sở nhà đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 0.75</p> <p>Từ 60- dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.5</p> <p>Từ 50%- dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.25</p> <p>Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính - TLKC khác (nếu có)
57.	TCTP 6.2.4. Thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	<p>Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản hướng dẫn thi hành (có thể lồng ghép trong các kế hoạch kiểm tra chung)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu có kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.25 - Nếu không kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 	<p>Kế hoạch kiểm tra, Báo cáo kết quả kiểm tra, kết luận kiểm tra</p>
58.	TCTP 6.3.1. Đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí thường xuyên trong năm	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu trong năm đánh giá, đơn vị có tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 1 - Nếu trong năm đánh giá, không tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị hoặc báo cáo có thể hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí. - Các văn bản liên quan - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính
59.	TCTP 6.3.2. Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1 - Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị hoặc báo cáo có thể hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí. - Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			- TLKC khác (nếu có)
60.	TCTP 6.3.3. Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL so với năm 2015	<p>Xác định tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL của cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá so với năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1 - Dưới 10% trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm chi ngân sách} \times 1.00}{10\%} \right]$ <p>VD: Tổng chi trực tiếp NSNN (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL thuộc cơ quan, đơn vị năm 2015 là 120 tỷ đồng, năm 2018 là 115 tỷ đồng. Như vậy, mức chi trực tiếp NSNN cho đơn vị SNCL trong năm 2018 đã giảm 5 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ % là $(05/120) \times 100\% = 4.167\%$ so với năm 2015 ($< 10\%$). Đối chiếu thang điểm đánh giá thì điểm cho đơn vị ở TCTP này được tính theo công thức trên như sau: $\left[\frac{4.167\% \times 1.00}{10\%} \right] = 0.4167$ điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính
61.	TCTP 7.1.1. Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Khoa học Công nghệ và MT, Văn phòng Bộ
62.	TCTP 7.1.2. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê: + Tổng số văn bản đi của đơn vị (trừ văn bản mật) trong năm đánh giá (a) + Số văn bản đi của đơn vị được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (b) + Số văn bản đi của đơn vị được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy (c) - Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) \times 1.0 + (c/a) \times 0.5$ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ
63.	TCTP 7.1.3. Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của đơn vị năm đánh giá. Nếu đạt tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% số số văn bản, hồ sơ công việc thì điểm đánh giá là 0.5 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> - Từ 50% - dưới 80% số văn bản, hồ sơ công việc thì điểm đánh giá là 0.25 - Dưới 50% số văn bản, hồ sơ công việc thì điểm đánh giá là 0 	
64.	TCTP 7.1.4. Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% tổ chức bên trong đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.5 - Từ 50%- dưới 100% tổ chức bên trong đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.25 - Dưới 50% tổ chức bên trong đã kết nối thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)
65.	TCTP 7.1.5. Thực hiện kết nối Hệ thống thông tin một cửa điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu đã kết nối liên thông với 100% tổ chức bên trong có chức năng giải quyết TTHC thuộc đơn vị thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu đã kết nối liên thông từ 50%- dưới 100% tổ chức bên trong có chức năng giải quyết TTHC thuộc đơn vị thì điểm đánh giá là 0.25 - Nếu đã kết nối liên thông dưới 50% tổ chức bên trong có chức năng giải quyết TTHC thuộc đơn vị thì điểm đánh giá là 0.25 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)
66.	TCTP 7.1.6. Tỷ lệ DVC trực tuyến mức độ 3, 4 được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng DVC quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê: + Tổng số DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 của đơn vị (a) + Số DVC đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia (b) + Số DVC đã hoàn thiện tái cấu trúc quy trình nhưng chưa tích hợp, cung cấp (c) - Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*1.0 + (c/a)*0.5$ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)
67.	TCTP 7.1.7. Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của đơn vị, với hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thống kê danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Tính tỷ lệ % giữa số lượng báo cáo định kỳ đã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo so với tổng số báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 + Từ 10%- dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.25 + Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)
68.	TCTP 7.2.1. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 (theo nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ), trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 (các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 mà trong năm không phát sinh hồ sơ cả trực tuyến và trực tiếp thì không thuộc phạm vi thống kê). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 50% số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5</p> <p>+ Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ} \times 0.50}{50\%} \right]$	
69.	TCTP 7.2.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4	<p>- Phạm vi đánh giá: Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ).</p> <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 1.</p> <p>+ Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right]$	<p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của đơn vị;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ</p> <p>- TLKC khác (nếu có)</p>
70.	TCTP 7.3.1. Số thủ tục triển khai thực hiện cơ chế MCQG, một cửa ASEAN của đơn vị	<p>Yêu cầu: Tỷ lệ thủ tục triển khai cơ chế MCQG, một cửa ASEAN của đơn vị được triển khai kết nối, vận hành thông suốt trên hệ thống MCQG</p> <p>- 100% thủ tục triển khai kết nối, vận hành thông suốt trên hệ thống MCQG thì điểm đánh giá là 1.0</p> <p>- 100% thủ tục triển khai kết nối, vận hành không thông suốt trên hệ thống MCQG thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Báo cáo kết quả của đơn vị (Báo cáo CCHC)</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của VP Thường trực CCHC.</p> <p>- TLKC khác (nếu có)</p>
71.	TCTP 7.3.2 . Số lượng hồ sơ phát sinh trong năm của các thủ tục thực hiện cơ chế	<p>Yêu cầu: Tỷ lệ hồ sơ trả lời, cấp phép so với tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm của các thủ tục thực hiện cơ chế MCQG, một cửa ASEAN của đơn vị</p> <p>- 100 hồ sơ đã trả lời, cấp phép so với tổng số tiếp nhận trong năm thì điểm</p>	<p>- Báo cáo kết quả của đơn vị (Báo cáo CCHC)</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của</p>

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	MCQG, một cửa ASEAN của đơn vị	đánh giá là 1.0 - Từ 80%-dưới 100% hồ sơ đã trả lời, cấp phép so với tổng số tiếp nhận trong năm thì điểm đánh giá là 0.75 - Từ 50%-80% hồ sơ đã trả lời, cấp phép so với tổng số tiếp nhận trong năm thì điểm đánh giá là 0.5 - Dưới 50% hồ sơ đã trả lời, cấp phép so với tổng số tiếp nhận trong năm thì điểm đánh giá là 0.25	VP Thường trực CCHC. - TLKC khác (nếu có)
72.	TCTP 7.4.1. Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	- Yêu cầu: Thống kê danh mục TTHC đang triển khai tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ, trong đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ phát sinh} \times 0.50}{50\%} \right]$	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có).
73.	TCTP 7.4.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	- Yêu cầu: + Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ. + Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên. + Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 5% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 5% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ - TLKC khác (nếu có).
74.	TCTP 7.4.3. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ	- Yêu cầu: + Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	vụ BCCI	vụ BCCI có phát sinh hồ sơ. + Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết của các TTHC nêu trên (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và hình thức khác). + Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ. - TLKC khác (nếu có).
75.	TCTP 7.4.1. Duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 theo quy định	Yêu cầu: Việc duy trì, cải tiến ISO 9001 thực hiện theo quy định. - Nếu thực hiện đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 1 - Thực hiện không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo kết quả thực hiện ISO của đơn vị (Báo cáo CCHC); TLKC khác (nếu có). - Kết quả theo dõi của (VP Thường trực CCHC)
76.	TCTP 7.4.2. Thực hiện chuyển đổi, công bố ISO 9001:2015 theo quy định	- Nếu đơn vị đã thực hiện chuyển đổi, công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu chưa thực hiện chuyển đổi, công bố thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện ISO của đơn vị (Báo cáo CCHC); TLKC khác (nếu có). - Kết quả theo dõi của (VPCCHC)

